

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH
Năm báo cáo: 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 13/12/2016.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Ấp 5, Xã Phạm văn Cội, Huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 083 7990 170
- Số fax: 083 7949 051
- Website: www.hsi.com.vn
- Mã cổ phiếu: HSI

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh (Hóa Sinh) tiền thân là Xí Nghiệp phân bón Hóa Sinh của Công ty Thanh Bình trực thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng, Bộ quốc phòng và chính thức chuyển sang cổ phần hóa theo Quyết định số 1918/QĐ-QP ngày 09/09/2003 của Bộ trưởng Quốc phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thanh Bình thành 03 Công ty cổ phần thuộc Tổng cục công nghiệp Quốc phòng trong đó có Công ty Cổ phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh.

Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/09/2005.

Ngày niêm yết: 12/12/2007.

Ngày chính thức giao dịch: 21/12/2007.

Từ một đơn vị sản xuất phân bón nhỏ với sản lượng hàng năm vài nghìn tấn, Hóa Sinh đã không ngừng nghiên cứu, cải tiến công nghệ, thiết bị, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường, sắp xếp lại tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực để sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng ngày càng cao hơn. Sản phẩm chủ yếu của Hóa Sinh là phân bón NPK với thương hiệu "Con Trâu" đã trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường, đạt được nhiều danh hiệu và giải thưởng chất lượng như: Giải thưởng chất lượng Việt Nam, Giải thưởng Bông lúa vàng, Giải thưởng đơn vị có sản phẩm được người tiêu dùng ưa thích, Topten Phân bón, Giải Cúp vàng vàng vì sự nghiệp xanh Việt Nam, Cúp vàng nông nghiệp Việt Nam và nhiều huy chương và bằng khen khác.

- Các sự kiện khác:



- Năm 2011, năm đầu tiên tổng doanh thu của Công ty chạm mốc một nghìn tỉ đồng và cũng là năm đầu tiên nhiệm kỳ 2 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh.
- Ngày 25/03/2015, toàn bộ 10.000.000 cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh vì lý do: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế) tại ngày 31/12/2014 là -123,134 tỷ đồng vượt quá vốn điều lệ thực góp là 100 tỷ đồng căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2014, đồng thời Công ty cũng có kết quả sản xuất, kinh doanh bị thua lỗ trong 03 năm liên tục (năm 2012 lỗ 1,899 tỷ đồng, năm 2013 lỗ 75,875 tỷ đồng và năm 2014 lỗ 45,485 tỷ đồng) thuộc trường hợp chứng khoán bị hủy niêm yết theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 60 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012.
- Ngày 23/04/2015, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định Số:229 /QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ Hai ngày 11/05/2015.
- Ngày 02/04/2016, Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã họp bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011 – 2016, bầu mới Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 -2021.
- Ngày 26/05/2016, Cổ phiếu của Công ty bị đưa vào danh sách hạn chế giao dịch, chỉ được giao dịch vào ngày thứ 6 trong tuần.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp.
- Địa bàn kinh doanh: Tiếp tục giữ vững thị trường miền Trung, Đông Nam Bộ và Miền Tây. Đẩy mạnh công tác tiếp thị, phát triển mở rộng thêm thị trường ở miền Tây và Miền Trung. Phát huy thế mạnh của chi nhánh Công ty tại Phú Yên về các điều kiện thuận lợi như giảm chi phí vận chuyển. Phát triển các mối quan hệ với các đại lý, nhà phân phối, công ty, khách hàng lẻ cũng như chia sẻ lợi ích với tất cả người tiêu dùng. Cũng cố thị phần đã được mở tại Cambodge, Malaysia, Sri-lanka, Hàn Quốc, Indonesia, Malaisia, ... mở rộng thị phần xuất khẩu sang một số nước Châu Phi và Mỹ Latinh.

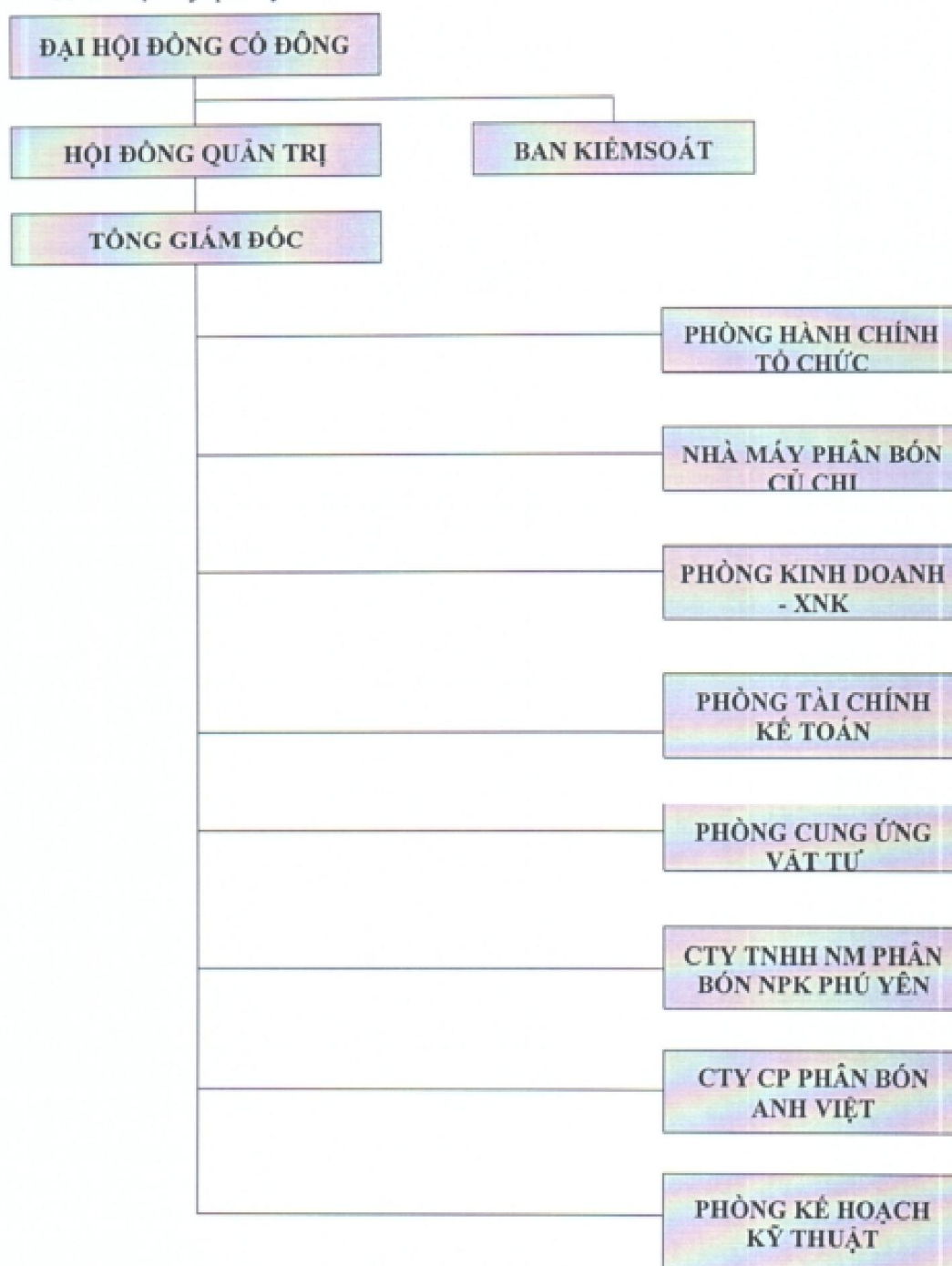
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.
- Các công ty con, công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ thực góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Công Ty TNHH Nhà Máy phân bón NPK Phú Yên	KCN Đông Bắc Sông Cầu, TX. Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	45.000.000.000	100,00%
Công ty cổ phần Phân Bón Anh Việt	Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP.HCM	4.508.000.000	56,35 %

100%
 CÔNG
 PHÂN
 BÓN
 HÓA
 SINH

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phần đầu là doanh nghiệp quân đội sản xuất phân bón hàng đầu của cả nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: nâng cao năng lực sản xuất, phân đầu đạt sản lượng sản xuất tiêu thụ một triệu tấn /năm, mở rộng thị trường tiêu thụ chính: Việt Nam – Lào – Cambodia và xuất khẩu sang các nước khác.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: hướng đến nền công nghiệp sản xuất xanh sạch, sử dụng các nguồn lực xã hội theo hướng bền vững, phân đầu trở thành doanh nghiệp lớn và thân thiện với cộng đồng.

6. Các rủi ro

- Môi trường cạnh tranh gay gắt trong nước và thế độc quyền cung cấp phân đạm của tập đoàn đầu khí Việt Nam, nguồn cung cấp nguyên liệu bị hạn chế do chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài.
- Diễn biến khí hậu ngày càng phức tạp, bất lợi cho ngành sản xuất nông nghiệp trong nước do thiên tai, dịch bệnh làm cho năng suất sản xuất giảm từ đó ảnh hưởng đến tâm lý chung của người làm nông là ngại đầu tư.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So sánh (%)	
					TH 2016 /TH 2015	TH 2016 / KH 2016
1	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	43.108	32.000	28.000	64,53	87,50
2	Tổng doanh thu	422,542	300,000	237,780	56,27	79,26
3	Lợi nhuận trước thuế	(21,909)	0	2,661	-	-

Mặc dù sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty không đạt so với kế hoạch của Đại hội cổ đông thường niên 2016 ngày 02 tháng 04 năm 2016 cũng như nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra, nhưng Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo thực hiện tiết kiệm triệt để các chi phí nên năm 2016 Công ty kinh doanh có lãi so với các năm trước, hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận. Công ty đánh giá sơ bộ bộ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

- Trong năm 2016 tập thể Ban Tổng Giám đốc luôn chỉ đạo điều hành bám sát Nghị quyết của Đại hội Đồng Cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, lãnh đạo, điều hành Công ty trong các hoạt động nghiêm chỉnh chấp hành đúng chủ trương chính sách pháp luật Nhà nước.
- Tình hình thị trường tiêu thụ phân bón của Công ty trong năm 2016 gặp rất nhiều khó khăn. Công ty vừa tập trung ổn định sản xuất vừa giữ vững thị trường hiện có, vừa nỗ lực xây dựng lại thị trường đã mất.
- Chi phí hoạt động, khấu hao, chi phí tài chính cao đã gia tăng chi phí phân bổ vào sản phẩm dẫn đến giá thành sản phẩm cao. Do đó, trực tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của các

nhà phân phối khiến sản phẩm khó tiêu thụ trên thị trường, mất dần khả năng cạnh tranh.

- Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 gặp rất nhiều khó khăn, vốn vay trung dài hạn dùng để đầu tư xây dựng cơ bản chịu lãi ngân hàng rất cao gây áp lực lớn cho tình hình tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, nợ phải thu còn tồn đọng từ các năm trước lớn, từ đó, nguồn vốn hoạt động không đảm bảo, việc kinh doanh thua lỗ và khó khăn là khó tránh khỏi.

Tuy nhiên, trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng toàn thể Cán bộ, Công nhân và Người lao động đã cố gắng sắp xếp bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn nhất, tiết kiệm tối đa các chi phí, tuyển chọn cán bộ kinh doanh có năng lực tập trung vào việc củng cố, mở thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước. Về chủ quan, chúng tôi nhận thấy khả năng phát triển lại thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ vào các năm tới là rất khả thi. Tuy nhiên, cũng có các yếu tố khách quan tác động đến ngành sản xuất phân bón nói chung và của Công ty nói riêng như: Chính sách, yếu tố thời tiết, giá cả sản phẩm nông nghiệp, mức độ đầu tư của nông dân vào sản xuất nông nghiệp, sẽ có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, bám sát định hướng phát triển của Hội đồng quản trị, xây dựng các giải pháp, phương thức phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty và của thị trường trong từng giai đoạn nhằm đưa sản phẩm phân bón NPK Con Trâu ra thị trường, dẫn lấy lại thị phần và tạo dựng thương hiệu, hình ảnh trong lòng người nông dân. Luôn có đủ các sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng, nghiên cứu và phát triển những sản phẩm mới, giúp nông dân tiết kiệm chi phí đầu tư phân bón, nâng cao năng suất cây trồng trong tình hình giá nông sản thấp.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

a. Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Tấn Quốc

- Họ và tên: NGUYỄN TẤN QUỐC
- Số CMND: 280326959
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/05/1965
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 72 Cách Mạng Tháng 8, xã Chánh Mỹ, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Trình độ văn hoá: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Kinh tế nông nghiệp.
- Quá trình công tác:
 - + 1985 – 2010: Giám đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Bình Dương.

- + 2010 – 13/08/2014: Giám đốc kinh doanh Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- + 03/2014 – nay: Thành viên Hội Đồng quản trị Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- + 13/08/2014 – Nay: Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 25.000 cổ phần
 - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

b. Kế toán trưởng – Bà Trần Thị Huyền:

- Họ và tên: TRẦN THỊ HUYỀN
- Số CMND: 060672227
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 17/04/1982
- Nơi sinh: Yên Bái
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Xã Tuấn Hưng, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 2006 – 3/2007: Nhân viên kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần VTHH và Phân Bón Hóa Sinh
 - + 4/2007 – 10/2015: Nhân viên kế toán tại Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
 - + 11/2015 – nay: Kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 510 cổ phần
 - + Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có



- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ngày 02/08/2016: Bà Nguyễn Anh Phượng thôi giữ chức vụ Giám đốc Tài chính Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Tổng số lao động thường xuyên tại thời điểm ngày 31/12/2016: 159 người, trong đó:

+ Lao động có trình độ đại học và trên đại học:	15 người
+ Lao động có trình độ cao đẳng và trung cấp:	34 người
+ Lao động phổ thông và nhân viên khác:	110 người

- Chính sách đối với người lao động:

- + Chính sách đào tạo:

- Công ty Hóa Sinh chú trọng vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý đối với các cán bộ quản lý, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn đối với các nhân viên và công nhân sản xuất. Việc đào tạo được thực hiện theo hình thức đào tạo nội bộ và cử đi đào tạo ở các cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ.

- + Chính sách lương, thưởng:

- Công ty Hóa Sinh xây dựng chế độ lương, thưởng riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề và bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng để người lao động có thu nhập xứng đáng với công sức và trình độ nhằm thu hút những tài năng trẻ và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- + Chính sách trợ cấp

- Bên cạnh chính sách tiền lương, tiền thưởng, người lao động làm việc tại Công ty còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác theo quy định trong thỏa ước lao động tập thể như: trợ cấp trong những dịp lễ Tết, hiếu hi, ốm đau, ... Chính sách trợ cấp đã phần nào tạo được sự phấn khởi, thái độ tích cực và sự gắn bó lâu dài với Công ty nơi người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, Hội đồng quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh đã trình Đại hội đồng cổ đông thông qua dự án xây dựng và triển khai Dự án phát triển Nhà máy phân bón tại Bến Lức – Long An. Tháng 12 năm 2015, dự án đã được triển khai xây dựng. Cuối năm 2017, dự kiến nhà máy sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty TNHH nhà máy phân bón NPK Phú Yên:

- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:



Chỉ tiêu	Năm 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So sánh (%)	
				TH 2016 /TH 2015	TH 2016 /KH 2016
Sản lượng SX (tấn)	12.650	12.000	8.507	67	71
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	11.200	12.000	9.916	89	83
Doanh thu (triệu)	101.923	107.500	86.806	85	81

Công ty có lợi thế là sở hữu một dây chuyền máy móc với công nghệ hiện đại, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu khách hàng cộng với các dòng sản phẩm 1 màu. Trong năm 2016 nhìn chung sản xuất Giảm 33% so với năm 2015 và giảm 29% so với kế hoạch năm. Chỉ tiêu doanh thu giảm 15% so với năm 2015 nhưng giảm 19% so với kế hoạch năm. Nguyên nhân là do các yếu tố sau đây:

✓ **Yếu tố khách quan:**

- Năm 2016, nền kinh tế của nước ta chịu nhiều ảnh hưởng từ tình hình biến động chung của thế giới như: biến động về giá cả, biến động về nguồn cung và nhu cầu các mặt hàng.
- Mặt khác, khu vực Tây Nguyên là mảng thị trường chủ lực tiêu thụ các mặt hàng của Công ty, nhưng trong năm 2016, thời tiết không thuận lợi làm cho sản lượng cây cà phê, cây tiêu bị giảm, bên cạnh đó giá cả nông sản sụt giảm nghiêm trọng làm cho nông dân hạn chế đầu tư phân bón cho cây trồng, đặc biệt giá cả sản phẩm cao su giảm còn 10% so với 2 năm trước đây nên hầu hết phân bón cho Cao su không bán được.
- Các sản phẩm cạnh tranh trên thị trường ngày càng nhiều, phong phú, đa dạng về chủng loại, mặt hàng, giá rẻ cộng với nhiều ưu đãi và khuyến mãi khác thu hút sự quan tâm của người tiêu dùng. Trước tình hình khó khăn như hiện tại, Công ty buộc phải theo xu hướng chung của thị trường giảm giá, tăng khuyến mại nhằm duy trì hoạt động của mình.

✓ **Yếu tố chủ quan:**

- Thời tiết khô hạn không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, một số vùng quá khô hạn nên người dân bỏ vụ không canh tác, không bón phân đối với cây dài ngày.
- Các sản phẩm của Công Ty tuy đã có thương hiệu từ lâu nhưng do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan đã dẫn vắng bóng trên thị trường vì vậy trong một thời gian người tiêu dùng đã quen với các sản phẩm khác nên sự khắc phục lại cũng gặp nhiều khó khăn.
- Do đội ngũ nhân viên giám sát thị trường còn khá ít nên không thường xuyên bám sát khu vực thị trường để tìm hiểu tâm lý cũng như nhu cầu người tiêu dùng qua đó có những biện pháp xúc tiến bán hàng kịp thời.
- Giá bán các mặt hàng phân bón trong năm 2016 liên tục giảm vào cuối năm, nạn hàng giả, hàng nhái tràn lan trên thị trường chưa được xử lý dứt điểm, luôn là gánh nặng của những nhà sản xuất chân chính, trong đó có Công ty.

❖ **Tình hình tài chính:**

- ✓ **Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	119.771.469.621	103.521.686.728	-13,57
Doanh thu thuần	101.923.181.289	86.577.983.164	-15,06
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	196.562.412	471.358.855	139,80
Lợi nhuận khác	(2.430.080)	(72.846.395)	-
Lợi nhuận trước thuế	194.132.332	398.512.460	105,28
Lợi nhuận sau thuế	194.132.332	398.512.460	105,28

✓ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,99	1,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,39	0,57	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,73	0,68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,68	2,14	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,58	1,86	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,85	0,84	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,19	0,46	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,60	1,21	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,38	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,19	0,54	

b. Công ty cổ phần phân bón Anh Việt;

Công ty cổ phần phân bón Anh Việt đã tạm ngưng hoạt động từ ngày 15/11/2015 theo Giấy xác nhận số 13791/PĐKKD-KT của Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	391.748.096.120	346.343.515.636	-11,59
Doanh thu thuần	422.541.823.538	237.780.383.328	43,73
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(21.066.371.703)	2.838.731.567	-
Lợi nhuận khác	(843.006.444)	(173.345.136)	-
Lợi nhuận trước thuế	(21.909.378.147)	2.665.386.431	-
Lợi nhuận sau thuế	(21.909.378.147)	2.660.993.066	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.31	1.47	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0.75	1.04	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1.03	1.02	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	(37.55)	(43.95)	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	3.02	1.29	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.08	0.69	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(0.05)	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2.04	(0.33)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(0.06)	0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(0.05)	0.01	



5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần niêm yết: 10.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 9.885.590 cổ phần.
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phiếu quỹ: 114.410 cổ phần.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

TT	Danh mục	10.000 đồng	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	943.500	9,44%	1	1	-
2	Cổ đông bên trong	2.319.330	23,19%	14	1	13
	- Cổ đông sáng lập (*)	888.792	8,89%	4	-	4
	- Hội đồng quản trị (**)	313.268	3,13%	3		3
	- Ban kiểm soát	501.000	5,01%	2	-	2
	- Ban Tổng Giám Đốc (***)	510	0,01%	1	-	1
	- Cán bộ công nhân viên	501.350	5,01%	3		3
	- Cổ phiếu quỹ	114.410	1,14%	1	1	-
3	Cổ đông bên ngoài	6.737.170	67,37%	640	11	629
	- Trong nước	6.335.960	63,36%	616	8	608
	- Nước ngoài	401.210	4,01%	24	3	21
	Tổng cộng	10.000.000	100%	655	13	642

Ghi chú:

(*): Không bao gồm cổ đông nhà nước

(**): Không tính số cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị là Cổ đông sáng lập

(***): Không tính số cổ phần của thành viên Ban Tổng Giám Đốc là thành viên Hội đồng quản trị

a. Phân loại theo tiêu chí sở hữu:

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	02	1.881.740	18,82
Cổ đông nhỏ	653	8.118.260	81,18



Tổng cộng	655	10.000.000	100
------------------	------------	-------------------	------------

b. Phân loại theo tiêu chí cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông tổ chức	12	1.902.917	19,03
Cổ đông cá nhân	643	8.097.083	80,97
Tổng cộng	655	10.000.000	100

c. Phân loại theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	631	9.589.790	95,90
Cổ đông nước ngoài	24	401.210	4,01
Tổng cộng	655	10.000.000	100

d. Phân loại theo tiêu chí cổ đông nhà nước và cổ đông khác:

Tên tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	01	943.500	9,44
Cổ đông khác	654	9.056.500	90,56
Tổng cộng	655	10.000.000	100

e. Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng
1	Tổng cục công nghiệp quốc phòng	28A Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà nội	943.500
2	Công ty TNHH ITV chứng khoán ngân hàng Đông Á	56-68 Nguyễn Công Trứ, Quận I, TP HCM	938.240
TỔNG CỘNG			1.881.740

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 114.410 cổ phiếu.

5.5. Các chứng khoán khác: không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So sánh (%)	
					TH 2016 /TH 2015	TH 2016 / KH 2016
1	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	43.108	32.000	28.000	64,53	87,50
2	Tổng doanh thu	422,542	300,000	237,780	56,27	79,26
3	Lợi nhuận trước thuế	(21,909)	0	2,661	-	-

Trong năm 2016, doanh thu của Công ty đạt 237.780 tỷ đồng, giảm 43,73% so với năm 2015 do các nguyên nhân sau:

- Các quy định của pháp luật về quản lý sản xuất kinh doanh phân bón tuy đã có tác động tích cực nhưng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở, doanh nghiệp phân bón nhỏ lẻ trên thực tế vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, các sản phẩm phân bón kém chất lượng, hàng nhái, hàng giả vẫn xuất hiện trên thị trường, chưa được xử lý nghiêm. Chính điều đó đã làm rối loạn thị trường phân bón, ảnh hưởng rất lớn đến những nhà sản xuất kinh doanh phân bón chân chính.
- Nguồn cung các loại phân đơn trên thị trường dồi dào, trong khi giá cả liên tục giảm mạnh nên bà con nông dân đã chuyển dần sang sử dụng phân đơn thay thế cho phân bón NPK. Điều này gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường phân bón, đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón NPK phải nỗ lực và đổi mới nhiều hơn.
- Nguyên liệu đầu vào, các mặt hàng vật tư phục vụ sản xuất, thị trường đầu ra sản phẩm nông nghiệp biến đổi mạnh, đặc biệt là sự cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.
- Đầu tháng 9/2016, thực hiện chủ trương thu hồi đất của Ủy Ban Nhân Dân TP Hồ Chí Minh, Trung Tâm phát triển quỹ đất Thành phố đã buộc Công ty ngừng sản xuất hai dây chuyền máy tạo hạt (Sản xuất sản phẩm chủ lực của Công ty) đã tạo nên sự thiếu hụt hàng hóa cung cấp ra thị trường vào cuối năm cho miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, ... làm cho sản lượng tiêu thụ năm 2016 sụt giảm.
- Về vốn: Hiện nay, Công ty không được vay vốn ngân hàng, nợ xấu phát sinh. Trong hoạt động kinh doanh, Công ty vừa bán hàng vừa thu nợ cũ. Tập trung thanh toán nợ ngân hàng đã quá hạn, một phần dùng để trả tiền mua nguyên liệu duy trì hoạt động sản xuất.
- Thời tiết không thuận lợi, mưa bão, lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn ở nhiều nơi ảnh hưởng rất lớn đến diện tích gieo trồng cũng như việc đầu tư phân bón, chăm sóc cây trồng.

1.2. Những thành tựu công ty đã đạt được.

Năm 2015, Công đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 02 dây chuyền tạo hạt tự động với công suất thiết kế 240.000 tấn/năm, 01 hệ thống trộn tự động có công suất thiết kế 150.000 tấn/năm.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm có biến động lớn. Tổng tài sản công ty đầu năm 2016 là 391,75 tỉ đồng, tổng tài sản công ty cuối năm 2016 là 346,34 tỉ đồng, giảm 45,40 tỷ đồng, nguyên nhân là do Công ty đã bán được một lượng lớn hàng tồn kho. Tổng nợ phải thu khách hàng là 169,98 tỉ đồng, trong đó công ty đã trích lập dự phòng số tiền là 32,83 tỉ đồng, tương đương 20% tổng số nợ phải thu. Tài sản ngắn hạn khác đầu năm 2016 là 3,39 tỷ đồng đến cuối năm giảm còn 2,58 tỷ đồng là do trong năm 2016 Công ty xin hoàn thuế GTGT hơn 885 triệu đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả đầu năm là 402,47 tỉ đồng giảm còn 354,41 tỷ đồng vào cuối năm, tương đương giảm 12% so với đầu năm. Trong năm 2016, Công ty đã giảm nợ phải trả người bán 8,5 tỷ đồng, giảm phải trả ngắn hạn khác 23,2 tỷ đồng, giảm nợ thuê tài chính 15,63 tỷ đồng.

2.3. Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

So với đầu năm, nợ phải trả tuy đã giảm nhiều nhưng nợ vay ngân hàng vẫn còn ở mức khá cao gây áp lực lên chi phí tài chính. Lãi vay ngân hàng hiện tại dao động khoảng 9% / năm .

2.4. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

Về nợ phải trả, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán cho các đối tác. Các khoản vay ngoại tệ của Công ty ở mức thấp nên việc ảnh hưởng của chênh lệch tỉ giá là không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, đào tạo, tiếp nhận, sắp xếp nhân sự để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của công việc, phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty.
- Từng bước phát triển và hoàn thiện văn hóa công ty trong quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, đại lý, các cơ quan quản lý nhà nước và các nhà đầu tư.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ % so sánh
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	237.780	280.000	117,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.665	5.000	187,62%
3	Tổng số sản lượng sản xuất:	Tấn	28.000	30.000	107,14%

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ % so sánh
4	Lao động - tiền lương				
	- Lao động	Người	159	180	113,21%
	- Thu nhập bình quân/ người/ tháng	Triệu đồng	5	5,5	110,00
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	4.000	-	-
6	Cổ tức	%	-	-	-

5. Giải trình của Ban Tổng Giám Đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty con ‘Công ty CP Phân bón Anh Việt’ chưa được kiểm toán. Trong đó, giá trị Tổng tài sản của Công ty con này chiếm tỷ trọng là 1,7% so với Tổng tài sản của tập đoàn”.

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty con chưa được kiểm toán là do HSI đang trong quá trình tái cơ cấu lại hoạt động kinh doanh của Công ty con này. Thời gian tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ ngày 15/11/2015 đến 31/10/2016 nhưng đến 31/12/2016 Công ty này vẫn chưa hoạt động lại. HSI đã có Công văn số 43/CK-HS ngày 14/12/2015 gửi tới UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đã công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/12/2015 V/v. Tạm ngừng hoạt động kinh doanh của Công ty con – Công ty CP Phân bón Anh Việt. Việc tạm ngừng hoạt động kinh doanh của Công ty con đã được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh xác nhận tại Văn bản số 13791/PĐKKD-KT ngày 04/11/2015. Ban Tổng Giám đốc HSI tin tưởng rằng những ảnh hưởng (nếu có) của Công ty con là không trọng yếu đến tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất của toàn Tập đoàn. Về vấn đề này HSI cũng đã công khai đầy đủ và rõ ràng trong báo cáo tài chính (khoản VIII.4 – Thuyết minh BCTC hợp nhất).

Vì các lý do nêu trên, Tổ chức kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ theo đúng quy định của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016, trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới, khu vực và trong nước có nhiều thuận lợi nhưng vẫn còn khó khăn có tác động tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh nói riêng. Hội đồng quản trị đánh giá những kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đáng chú ý của Công ty như sau:

- Kết thúc năm 2016, tổng doanh thu hoạt động kinh doanh: 237,78 tỷ đồng, giảm 43,7% so với doanh thu của năm 2015. Mặc dù doanh thu giảm rất nhiều nhưng Ban Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo thực hiện tiết kiệm triệt để các chi phí nên năm 2016

3002
HỒ T
VẬT
HỢP
N BỐ
3002
T.P.H

Công ty kinh doanh đã có lãi so với các năm trước, hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận.

- Thương hiệu phân bón con trâu vẫn nhận được sự tín nhiệm của bà con nông dân trên cả nước, có chỗ đứng trên thị trường nước ngoài như Cambodia, Malaysia, Myanmar ..

Đánh giá chung: HĐQT đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Chấp hành đúng pháp luật Nhà nước; Bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Chi đạo và tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT nhanh chóng kịp thời, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, thích ứng với yêu cầu thị trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc công ty

- Năm 2016, hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, tuân thủ qui định của Pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty trong công tác điều hành; trong công tác điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tinh năng động, sáng tạo và đoàn kết vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đề ra.
- Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng Giám Đốc. Mặc dù Công ty có nhiều khó khăn trong công tác huy động vốn và đáo hạn nhưng Ban Tổng Giám Đốc đã cố gắng điều hành công ty vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất, tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao được sự tín nhiệm của người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Ban Tổng Giám Đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.
- Tuy không hoàn thành 100% kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2016 đã đề ra , nhưng Công ty đã nỗ lực phát huy những thuận lợi, biết khắc phục khó khăn để ổn định và từng bước phát triển trên thị trường.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

❖ Thuận lợi:

- HĐQT đã tạo dựng được mối quan hệ do đó Công ty đã và đang được các cơ quan chức năng, các địa phương hỗ trợ, ủng hộ để ổn định sản xuất kinh doanh.
- Thương hiệu phân bón “NPK Phân Bón Con Trâu” đang có uy tín và ngày càng được bà con nông dân, các đối tác, nhà phân phối trong và ngoài nước tín nhiệm, lựa chọn.
- Chính sách bán hàng của Công ty linh hoạt theo cơ chế thị trường, chăm sóc khách hàng, hậu mãi đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhà phân phối, người sử dụng.
- Đội ngũ Cán bộ, Công nhân và người lao động trong Công ty có trình độ, kinh nghiệm, tâm huyết sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- Công suất thiết kế so với thực tế sản xuất của 02 nhà máy còn khá lớn, hiện tại cả 02 nhà máy ở Cù Chi và Phú Yên mới chỉ hoạt động khoảng 30% công suất, do đó luôn có đủ sản phẩm để cung cấp cho khách hàng.



Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng sẽ còn gặp nhiều khó khăn thách thức.

❖ **Khó khăn:**

- Hiện nay, quyết định thu hồi đất của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh và việc niêm phong tạm ngưng sản xuất hai dây chuyền máy tạo hạt đã gây khó khăn rất lớn cho Công ty.
- Tình hình cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị sản xuất kinh doanh phân bón trong và ngoài nước.
- Tình hình tài chính của Công ty đang gặp nhiều khó khăn do lỗ lũy kế từ những năm trước. Nợ xấu ngân hàng, khả năng thanh toán chậm nên không vay được vốn để sản xuất kinh doanh.

Từ những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT Công ty đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2017 như sau:

- Nghiên cứu định hướng tái cấu trúc Công ty cho phù hợp với tình hình thực tại.
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua.
- Nắm bắt và theo dõi sát diễn biến của thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với những biến động thị trường, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Giám sát chặt chẽ tình hình tài chính trong Công ty, vốn đầu tư ra ngoài Công ty đảm bảo sử dụng có hiệu quả, an toàn.
- Kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tuyển chọn, đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Hoàn thiện cơ chế chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương ứng với công việc và trình độ, đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao. Hoàn thiện quy chế, qui định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chuẩn bị phương án đầu tư xây dựng Nhà máy mới (trong trường hợp nhà máy ở Củ Chi phải di dời).
- Tập trung thu hồi công nợ, giải quyết nợ khó đòi từ nhiều năm trước, thanh toán giảm dần dư nợ Ngân hàng, thanh lý bớt một số tài sản cố định không cần dùng hoặc dùng không hiệu quả để trả nợ vay ngân hàng.
- Kêu gọi đầu tư, quản lý điều hành nhằm củng cố hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy phân bón NPK Phú Yên một cách chặt chẽ để từng bước hoạt động có hiệu quả hơn.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Nguyễn Tấn Quốc	Chủ tịch HĐQT	0,25 %
3	Huỳnh Nghĩa	Thành viên HĐQT.	2,68 %
5	Nguyễn Anh Phương	Thành viên HĐQT	0,20 %
6	Huỳnh Lam Phương	Thành viên HĐQT	0%
7	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0%

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần. Công tác này thực tế trong năm qua đã đạt kết quả đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc của Hội đồng quản trị đã giúp Ban Tổng Giám Đốc tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nhanh chóng kịp thời hơn, đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và đạt hiệu quả, thích ứng với tình hình biến động của thị trường.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 03 cuộc họp Hội đồng quản trị với kết quả như sau:

STT	Số nghị quyết / Quyết định	Ngày họp	Nội dung cuộc họp	Kết quả
1	03/CK-HS	11/01/2016	Quyết định: Bầu bổ sung thành viên HĐQT.	Chấp thuận với tỷ lệ 100%
2	11/CK-HS	02/04/2016	Quyết định: Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2016.	Chấp thuận với tỷ lệ 100%.
3	19/CK-HS	07/10/2016	Nghị quyết: Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Chấp thuận với tỷ lệ 100%

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban Tổng Giám Đốc cũng như tại các phiên họp HĐQT:

- Các thành viên HĐQT Công ty gồm Chủ Tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, 04 thành viên bên ngoài không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát thông qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, cũng như tại các phiên họp HĐQT.

- Các phiên họp thường kỳ của HĐQT được tiến hành theo đúng quy định của điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT. Các thành viên HĐQT luôn chấp hành quy định của pháp luật, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tham dự và chỉ đạo các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, xây dựng các đề án và dự án kinh doanh.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng Giám đốc gửi Hội đồng Quản trị.
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giải quyết những vấn đề phát sinh quan trọng trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.
- Năm 2016 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, HĐQT đã có quy chế, quy định kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động, cũng như việc quản lý tài chính từ đó hạn chế và cắt giảm những chi phí chưa hợp lý của Công ty.
- Kịp thời chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đưa ra các cơ chế chính sách kinh doanh hợp lý, tập trung củng cố thị trường, sửa đổi các chính sách về bán hàng, lao động tiền lương, tổ chức bộ máy, đầu tư tài chính.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

Không thành lập các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Các thành viên hội đồng quản trị Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Năm qua, do bận nhiều công việc nên các thành viên Hội đồng quản trị chưa tham gia các chương trình về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

3.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Trương Thị Thu Hà	Trưởng ban	0,05 %
2	Huỳnh Thanh Điền	Thành viên	4,96%
3	Võ Thị Hợi	Thành viên	0%

3.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã thực hiện công việc của mình theo đúng trách nhiệm và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty. Các thành viên BKS đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

10/10/2016
S.P.H
S.M.C
P.H.A
H.O.I
10/10/2016

- Phân công từng thành viên BKS tham gia kiểm soát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty.
- Tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty. Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành, kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quá trình quản lý điều hành mọi hoạt động của Công ty bảo đảm luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh.
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty
- Phối hợp cùng Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư, giám sát các đơn vị trong việc thực thi những kiến nghị do cơ quan kiểm toán nêu ra.

Các cuộc họp của ban kiểm soát: Trong năm 2016, Ban kiểm soát có tổ chức 03 cuộc họp với nội dung như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	12/04/2016	Tình hình kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty Quý 1/2016
2	20/07/2016	Tình hình kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty Quý 2/2016
3	17/10/2016	Tình hình kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty Quý 3/2016

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát:

Trong năm 2016, thù lao của các thành viên HĐQT và BKS được nhận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, cụ thể như sau:

- Trưởng BKS: 24.000.000 đồng
- Thành viên BKS: 24.000.000 đồng
- Tổng mức thù lao của BKS năm 2016 là: 48.000.000 đồng.
- Chủ tịch HĐQT: 36.000.000 đồng
- Thành viên HĐQT: 24.000.000 đồng



- Tổng cộng mức thù lao của HĐQT năm 2016 là: 180.000.000 đồng

b. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Nguyễn Tấn Quốc	Chủ tịch kiêm TGD	219.000.000	17.000.000	36.000.000	272.000.000
4	Nguyễn Phương Anh	Giám đốc tài chính	105.000.000	15.000.000	0	120.000.000
6	Trần Thị Huyền	Kế toán trưởng	112.000.000	7.000.000	0	119.000.000
TỔNG CỘNG			436.000.000	39.000.000	36.000.000	511.000.000

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện tốt các qui định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính: (Xem file đính kèm)

- Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng năm 2016 đã kiểm toán của Công ty được công bố trên website: www.hsi.com.vn.

Xác nhận của đại diện
theo pháp luật Công ty



NGUYỄN TẤN QUỐC



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (08) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (08) 3820 5942



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/12/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 100.000.000.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 : 100.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Áp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	KCN Đông Bắc Sông Cầu, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	Áp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. HCM	56.35%	56.35%	56.35%	56.35%
Công ty liên kết:					
Công ty Cổ Phần Du Lịch và Khách Sạn Kiến Tường	Số 72 Trần Hưng Đạo, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An	39%	39%	39%	39%

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2016 là 2.609.209.748 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2015 lợi nhuận sau thuế là 20.964.847.205 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2016 âm 123.771.040.999 VND (Tại thời điểm 31/12/2015 lợi nhuận chưa phân phối âm 126.380.250.747 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	NGUYỄN TẤN QUỐC	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	HUỲNH NGHĨA	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	HUỲNH NGHĨA	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	HUỲNH LAM PHƯƠNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	NGUYỄN THANH TÙNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/04/2016)
Bà	NGUYỄN ANH PHƯƠNG	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	NGUYỄN TẤN QUỐC	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	NGUYỄN THANH THẢO	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	HUỲNH VĂN THANH	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	PHẠM LÊ PHƯƠNG	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02/04/2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông	NGUYỄN TẤN QUỐC	Tổng Giám đốc	
Ông	VŨ XUÂN NGỌC	Phó TGD	(Bổ nhiệm ngày 01/02/2017)

Ban Kiểm soát

Bà	TRƯƠNG THỊ THU HÀ	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	ĐẶNG THANH TÙNG	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 02/04/2016)
Ông	HUỲNH THANH ĐIỀN	Thành viên	
Bà	VŨ THỊ HỢI	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 02/04/2016)
Bà	HUỲNH MINH THƯ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 02/04/2016)

Kế toán trưởng

Bà	TRẦN THỊ HUYỀN		
----	----------------	--	--

Đại diện pháp luật

Ông	NGUYỄN TẤN QUỐC		
-----	-----------------	--	--

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

TM. Hội đồng Quản trị



NGUYỄN TẤN QUỐC
Chủ tịch HĐQT
Kiểm Tổng Giám đốc





Số: 169... /BCKT-TC/2017/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh, được lập ngày 03/02/2017, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 "Hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính về số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2016 là 123.771.040.999 đồng, đã vượt số vốn điều lệ của Công ty, chỉ còn nhỏ hơn vốn chủ sở hữu là 5.063.741.218 đồng.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Kiểm toán viên



PHÙNG VĂN THẮNG

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0650-2013-142-1

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



PHÙNG NGỌC TOÀN

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 0335-2013-142-1

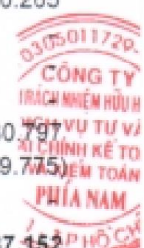


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.723.442.774	170.027.737.834
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.670.757.732	5.953.272.481
Tiền	111	V.1	7.670.757.732	5.953.272.481
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		130.985.101.536	108.871.403.603
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	154.293.363.198	133.218.712.316
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.486.509.940	779.910.265
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.649.340.742	1.629.530.797
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(26.444.112.344)	(26.756.749.775)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	24.813.180.247	53.081.587.152
Hàng tồn kho	141		24.813.180.247	53.081.587.152
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.254.403.259	2.121.474.598
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	407.116.047	738.910.389
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.13.	356.079.860	891.356.857
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	491.207.352	491.207.352
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		150.021.343.110	151.312.037.957
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		96.871.000	96.871.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	96.871.000	96.871.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		76.904.613.132	83.482.854.515
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	76.904.613.132	83.482.854.515
- Nguyên giá	222		136.942.695.057	134.203.394.489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.038.081.925)	(50.720.539.974)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	-	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.000.000)	(85.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9.	4.279.056.500	3.000.000.000
- Nguyên giá	231		4.279.056.500	3.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6	14.207.287.478	10.198.797.442
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	V.6	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	14.207.287.478	10.198.797.442
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	54.533.515.000	54.533.515.000
Đầu tư vào công ty con	251		49.508.000.000	49.508.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		425.000.000	425.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.600.515.000	4.600.515.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		314.744.785.884	321.339.775.791



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		309.681.044.666	318.885.244.321
I. Nợ ngắn hạn	310		102.981.244.666	112.185.444.321
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	21.001.410.586	18.539.857.806
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.858.581	410.268.101
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	2.386.863	2.333.816
Phải trả người lao động	314		426.920.042	716.942.894
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	10.331.210	10.331.210
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	4.938.337.384	2.525.710.494
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	76.598.000.000	89.980.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		206.699.800.000	206.699.800.000
Phải trả người bán dài hạn	331	V.12.	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14.	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.15.	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	206.699.800.000	206.699.800.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.063.741.218	2.454.531.470
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	5.063.741.218	2.454.531.470
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16.	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.16.	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.16.	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16.	8.952.300.000	8.952.300.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.16.	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	V.16.	(1.392.524.898)	(1.392.524.898)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.16.	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.16.	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16.	21.275.007.115	21.275.007.115
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.16.	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.16.	-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16.	(123.771.040.999)	(126.380.250.747)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		(126.380.250.747)	(105.415.403.542)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.609.209.748	(20.964.847.205)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		314.744.785.884	321.339.775.791

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG

TRẦN THỊ HUYỀN



NGUYỄN TẤN QUỐC

011720
CÔNG TY
NHỆ HỒN
VẬT TƯ VÀ
PHÂN BÓN
HÓA SINH
T. PHƯỚC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	156.102.439.289	321.082.804.737
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	197.660.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		155.904.779.289	321.082.804.737
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	142.910.484.528	313.341.862.426
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.994.294.761	7.740.942.311
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	662.066.729	2.185.663.607
Chi phí tài chính	22	VI.5	2.839.207.066	19.391.965.448
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.446.138.169	19.273.324.903
Chi phí bán hàng	25	VI.8	1.944.682.161	2.877.539.958
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	6.204.698.816	7.961.371.353
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		2.667.773.447	(20.304.270.841)
Thu nhập khác	31	VI.6	460.673.455	93.635.056
Chi phí khác	32	VI.7	519.237.154	754.211.420
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(58.563.699)	(660.576.364)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.609.209.748	(20.964.847.205)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.609.209.748	(20.964.847.205)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	264	(2.121)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	264	(2.121)

Người lập biểu



HUỖNH THỊ NGỌC HƯƠNG

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ HUYỀN

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc




NGUYỄN TÂN QUỐC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		146.840.205.351	311.206.471.473
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(92.675.020.718)	(271.483.191.301)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.289.662.663)	(9.256.655.977)
Tiền lãi vay đã trả	04		(1.446.138.169)	(19.273.324.903)
Thuế TNDN đã nộp	05			-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.589.305.494	97.265.495.696
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(45.856.670.976)	(84.544.655.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.162.018.319	23.914.139.309
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(327.479.330)	(3.618.706.039)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			4.678.706.039
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24			-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		253.281.786	356.437.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(74.197.544)	1.416.437.648
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	90.050.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.382.000.000)	(112.878.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.382.000.000)	(22.828.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		1.705.820.775	2.502.576.957
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.953.272.481	3.396.952.255
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.664.476	53.743.269
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	7.670.757.732	5.953.272.481

Người lập biểu

HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ HUYỀN

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TẤN QUỐC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ XI nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/12/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh : 100.000.000.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2016 : 100.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Áp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	56.35%	56.35%	56.35%	56.35%
Công ty liên kết:					
Công ty Cổ Phần Du Lịch và Khách Sạn Kiến Tường	Số 72, Trần Hưng Đạo, Khu phố 1, Phường 1, Thị xã Kiến Tường, Long An	39%	39%	39%	39%

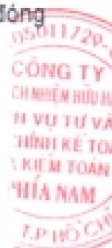
Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN



1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư



Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 33	năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 7	năm
- Các tài sản khác	4 - 5	năm
- Phần mềm quản lý	3	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả



Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

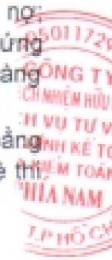
Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



15. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi theo từng loại, kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Khi phát hành trái phiếu chuyển đổi, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu; lãi trái phiếu ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả trái phiếu trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ghi tăng vốn chủ sở hữu tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm trong trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cầu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

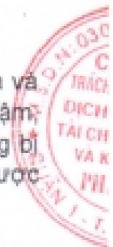
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

18. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu



Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

19. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

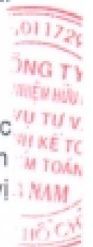
Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:



- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;
 - Đối với nợ phải thu nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với nợ phải trả nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.
- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	668.966.035	560.129.353
- Tiền gửi ngân hàng	7.001.791.697	5.393.143.128
Cộng	7.670.757.732	5.953.272.481

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Phát triển XNK Eung Suy Kim Ly	20.177.286.343	27.347.320.453
CH VTNN Kim Mây	38.011.537.186	41.301.324.632
Phải thu khách hàng khác	96.104.539.669	64.570.067.231
Cộng	154.293.363.198	133.218.712.316

3 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Dài hạn	Tỷ lệ biểu quyết	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
3.1. Đầu tư vào công ty con					
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	100%	45.000.000.000	100%	45.000.000.000	
Công ty Cổ phần Phân bón Anh Việt	56.35%	4.508.000.000	56.35%	4.508.000.000	
3.2. Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường	(*)	425.000.000		425.000.000	
	Số lượng CP		Số lượng CP		
3.3. Đầu tư dài hạn khác					
Cổ phiếu Công ty CP Mộc Hóa (MJC)	173.379	1.733.790.000	173.379	1.733.790.000	
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội	373.495	2.866.725.000	354.823	2.866.725.000	
Cộng		54.533.515.000		54.533.515.000	

Ghi chú: () Theo hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa để thành lập Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường, trong đó Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh góp 39% vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000 VND). Đến thời điểm 31/12/2016 số vốn thực tế đã góp là 425.000.000 VND.*

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1 Ngắn hạn				
- Tạm ứng	1.064.245.874	-	1.076.238.108	-
- Phải thu về BHXH	36.560.910	-	4.758.731	-
- Phải thu ngắn hạn khác	548.533.958	-	548.533.958	-
Cộng	1.649.340.742	-	1.629.530.797	-
4.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	96.871.000	-	96.871.000	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	96.871.000	-	96.871.000	-

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	22.731.566.487	-	34.633.844.195	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	2.081.613.760	-	18.447.742.957	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	24.813.180.247	-	53.081.587.152	-

Ghi chú:

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đều dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Á.

6 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Nhà máy phân bón NPK Phú Yên	10.198.797.442	10.198.797.442
Công trình Nhà máy Bến Lức	4.008.490.036	-
Cộng	14.207.287.478	10.198.797.442



7 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	39.192.653.671	69.304.836.833	23.148.254.761	1.554.234.624	1.003.414.600	134.203.394.489
Số tăng trong năm	-	-	3.519.241.477	-	-	3.519.241.477
- Mua trong năm	-	-	3.519.241.477	-	-	3.519.241.477
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	779.940.909	-	-	779.940.909
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	779.940.909	-	-	779.940.909
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	39.192.653.671	69.304.836.833	25.887.555.329	1.554.234.624	1.003.414.600	136.942.695.057
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	26.043.939.017	9.356.275.975	12.998.588.193	1.429.947.748	891.789.041	50.720.539.974
Số tăng trong năm	1.711.407.598	5.556.383.633	2.215.524.843	88.377.703	70.823.574	9.642.517.351
- Khấu hao trong năm	1.711.407.598	5.556.383.633	2.215.524.843	88.377.703	70.823.574	9.642.517.351
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	324.975.400	-	-	324.975.400
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	324.975.400	-	-	324.975.400
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	27.755.346.615	14.912.659.608	14.889.137.636	1.518.325.451	962.612.615	60.038.081.925
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	13.148.714.654	59.948.560.858	10.149.666.568	124.286.876	111.625.559	83.482.854.515
Tại ngày cuối năm	11.437.307.056	54.392.177.225	10.998.417.693	35.909.173	40.801.985	76.904.613.132

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý

76.904.613.132 VND
 19.267.674.690 VND
 - VND



8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

- VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

85.000.000 VND

9. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
b. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	3.000.000.000	1.279.056.500	-	4.279.056.500
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	3.000.000.000	1.279.056.500	-	4.279.056.500
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	3.000.000.000	1.279.056.500	-	4.279.056.500
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	3.000.000.000	1.279.056.500	-	4.279.056.500
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

205011
 CÔNG
 RÁCH NIÊM
 YCH VỤ T
 S CHỨNG K
 VÀ KIỂM
 PHÍA N
 1 - 1.0.16

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay - VND
- Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá - VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
10.1. Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	386.744.418	616.141.674
- Chi phí mua bảo hiểm		59.638.140
- CCDC xuất dùng		24.950.000
- Chi phí khác	20.371.629	38.180.575
Cộng	<u>407.116.047</u>	<u>738.910.389</u>
10.2. Dài hạn		
- CCDC xuất dùng	-	-
- Lợi thế kinh doanh	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- Chi phí khác	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>



11 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

11.1. Ngân hạn

a. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Ngân hàng:						
- Ngân hàng TMCP Đông Á (1)	76.598.000.000	76.598.000.000	-	12.382.000.000	88.980.000.000	88.980.000.000
Vay cá nhân:						
- Dương Tiến Dũng (2)	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	76.598.000.000	76.598.000.000	-	13.382.000.000	89.980.000.000	89.980.000.000

Ghi chú:

(1): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn VND của Công ty với Ngân hàng TMCP Đông Á dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để thanh toán các hóa đơn, hợp đồng mua hàng với thời hạn 9 tháng, lãi suất 8% đến 9% /năm.

(2): Là các khoản tiền huy động vốn từ các cá nhân khác ở trong và ngoài Công ty trên cơ sở Hợp đồng vay vốn, với lãi suất 12%/năm.

11.2. Dài hạn

a. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Ngân hàng:						
- Ngân hàng TMCP Đông Á (VNI)	206.699.800.000	206.699.800.000	-	-	206.699.800.000	206.699.800.000
Cộng	206.699.800.000	206.699.800.000	-	-	206.699.800.000	206.699.800.000



Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh
Áp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Số: H.0014/1215	Ngân hàng TMCP Đông Á	5 năm kể từ ngày 25/06/2015 đến 25/06/2020.	6%/năm	206.699.800.000	Toàn bộ nhà xưởng, MMTB, CC và các công trình phụ trợ trên đất tại Áp 5, xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM và tại KCN Đông Bắc Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
Cộng				206.699.800.000	



12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH TM Thiên Thành Lộc	6.973.232.000	6.973.232.000	9.999.573.000	9.999.573.000
Công ty CP sản xuất thép Vina One	1.629.468.111	1.629.468.111	113.859.569	113.859.569
Các nhà cung cấp khác	12.398.710.475	12.398.710.475	8.426.425.237	8.426.425.237
Cộng	21.001.410.586	21.001.410.586	18.539.857.806	18.539.857.806

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp	Số cuối năm
13.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	46.206.659	46.206.659	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.333.816	8.270.245	8.217.198	2.386.863
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.333.816	57.476.904	57.423.857	2.386.863
13.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	491.207.352	-	-	491.207.352
Cộng	491.207.352	-	-	491.207.352

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Lãi vay phải trả	-	-
- Chi phí phải trả khác	10.331.210	10.331.210
Cộng	10.331.210	10.331.210

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	187.210.814	227.883.924
- BHXH, BHYT, BHTN	-	-
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	656.570	656.570
- Mượn tạm vốn kinh doanh: (*)	4.734.470.000	2.031.170.000
+ Bà Ôn Lệ Hồng	12.170.000	2.031.170.000
+ Ông Huỳnh Thanh Liêm	2.494.300.000	-

+ Ông Huỳnh Văn Thanh	2.228.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.000.000	266.000.000
Cộng	4.938.337.384	2.525.710.494

Ghi chú: (*) Đây là các khoản Công ty mượn tạm vốn, không phải trả lãi vay.



16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	21.275.007.115	-	(105.415.403.542)	23.419.378.675
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Táng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(20.964.847.205)	(20.964.847.205)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	21.275.007.115	-	(126.380.250.747)	2.454.531.470
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	2.609.209.748	2.609.209.748
- Táng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	21.275.007.115	-	(123.771.040.999)	5.063.741.218

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty mẹ	0.00%	-	0.00%	-
Vốn góp của các đối tượng khác	100.00%	100.000.000.000	100.00%	100.000.000.000
Cộng		100.000.000.000		100.000.000.000

- Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	114.410	114.410

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

16.4. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	114.410	114.410
+ Cổ phiếu phổ thông	114.410	114.410
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.885.590	9.885.590
+ Cổ phiếu phổ thông	9.885.590	9.885.590
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

16.5. Cổ tức	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

16.6. Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	21.275.007.115	21.275.007.115
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

17.1. Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	391.18	312.30
- EUR	-	-

17.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên tệ	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
ĐL Xuân Tuyết (Nguyễn Thị Dung)		270.966.241	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTTT Hải Yến		39.000.030	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTTT Tuyết Mai		257.865.200	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTTT Loan Hà		175.705.474	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Công ty XNK SoK Linh		385.120.240	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CTCP VTNN Bình Dương		503.671.414	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Hoàng Ngân		569.769.160	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Như Hiền		100.000.250	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
ĐL VTNN Nguyễn Văn Đồng		90.900.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Huyện Quốc Kha		255.207.500	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Văn Thành		27.000.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Đức		288.537.125	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Mỹ Hạnh		152.773.300	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Hưng Yên		2.681.148.990	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Chương		12.299.750	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Dũng		12.028.800	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Công ty TNHH Ngọc Phúc		13.430.650	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Lê Minh Trung		37.873.808	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Bảy Nam		228.000.225	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Minh Đức		35.228.800	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Thanh Phong		65.511.153	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVT Trung Hiếu		10.674.150	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Châu Giang		32.524.861	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
HTX DVTM Tân Đồng		50.799.998	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
ĐLPB Cao Thị Cúc		161.152.768	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Minh Huy (Lê Minh Quân)		1.070.749.230	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Ngọc Sáu		35.147.429	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Lê Thị Bảy		15.132.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Tuấn Khanh		547.492.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Các khoản nợ khó đòi khi CPH		5.093.849.133	31/12/2005	Xử lý nợ khó đòi
Cộng		13.219.559.679		



VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1.1. Doanh thu

- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	156.102.439.289	321.082.804.737
	-	-
	156.102.439.289	321.082.804.737

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	-	-
	197.660.000	-
	197.660.000	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	142.910.484.528	313.341.862.426
	-	-
	142.910.484.528	313.341.862.426

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	10.631.287	10.870.920
	242.650.499	345.566.728
	73.071.500	746.647.927
	335.713.443	1.082.578.032
	662.066.729	2.185.663.607

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Chiết khấu thanh toán, bán hàng chậm trả
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Chi phí tài chính khác

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	1.446.138.169	19.349.413.848
	1.327.970.832	-
	43.094.360	16.889.600
	22.003.705	25.662.000
	-	-
	2.839.207.066	19.391.965.448

6 . THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Được bồi thường
- Chiết khấu

Cộng

	Năm nay	Năm trước
		93.635.056
	6.128.000	-
	454.545.455	-
	460.673.455	93.635.056

